



TÔN GIÁO HỌC LÀ GÌ?*

NGUYỄN ANH TUẤN

Sau khi đã chuyển dịch nguyên bản các tác phẩm kinh điển về khoa học nhân văn, Trung Quốc đã chuyển sang giai đoạn hai: tổng hợp, phân tích, bình luận, phổ biến và đại chúng hóa những tri thức này. Những ấn phẩm này tuy không trình bày một cách tỉ mỉ, đầy đủ kiến thức chuyên ngành nhưng vẫn chứa đựng nhiều điều bổ ích đối với các nhà nghiên cứu và sinh viên bởi nó cung cấp một cái nhìn đối sánh tổng quát mang tính phê phán và gợi mở nhiều ý tưởng mới cho độc giả. “*Tôn giáo học là gì?*” của Trương Chí Cương vừa được nhà xuất bản tổng hợp Hồ Chí Minh chuyển ngữ và phát hành trong điều kiện như vậy. Cuốn sách trình bày sự vận động và phát triển của tôn giáo không theo chiều lịch đại mà từ các chuyên ngành nghiên cứu tiêu biểu, với nhiều nhà nghiên cứu và công trình nghiên cứu đặc sắc đại diện cho các khuynh hướng, trường phái lý thuyết khác nhau trên thế giới...

Trước tiên, trong lời dẫn luận, Trương Chí Cương trích dẫn câu nói nổi tiếng của

Friedrich Max Muller, được coi là người khởi xướng ý tưởng nghiên cứu tôn giáo như một ngành khoa học. Muller với câu nói: “*Chỉ biết một, coi như không biết gì cả*”

hướng độc giả tới lời tựa đề cuốn sách: “Tôn giáo học là gì?”.

Cuốn sách gồm hai phần: 1) Học thuật tổng quát; và 2) Vấn đề tiêu điểm. Mỗi phần có 5 chương. Trong phần I, tác giả tập trung vào 5 ngành nghiên cứu tôn giáo tiêu biểu: nhân học tôn giáo, xã hội học tôn giáo, tâm lý học tôn giáo, ngôn ngữ học tôn giáo và văn hóa học tôn giáo. Tôn giáo được nhận diện trong cái nhìn đối sánh mang tính liên ngành. Tác giả đã lần lượt phân tích các cách tiếp cận tôn giáo, phương pháp nghiên cứu và thành tựu chủ yếu ở 5 ngành khoa học vừa nêu.

Dưới khía cạnh nhân học tôn giáo, hai giai đoạn phát triển của ngành với hai gương mặt điển hình là Sir Jame G. Frazer (1854-1941) và Bronislaw Kasper Malinowski (1884-1942) đã được giới thiệu với bạn đọc. Từ việc phân tích và bình luận “nguyên lý ma thuật”, “từ ma thuật đến tôn giáo” trong tác phẩm “*Cành vàng*” của Frazer đến “*Lễ thành niên và lễ an táng*” của Malinowski, tác giả chỉ ra sự thay đổi quan trọng về đối tượng, phương pháp và khung lý thuyết nghiên cứu... trong nghiên cứu nhân học tôn giáo.

* Trương Chí Cương (2007), *Tôn giáo học là gì?*, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 466 trang, khổ 14,5 x 20,5 cm.

Chương 2 giới thiệu về tôn giáo qua lăng kính xã hội học. Trong lĩnh vực này, Emile Durkheim (1868-1917) và Max Weber (1864-1920) cùng với lý luận cốt yếu về “nguồn gốc bản chất của tôn giáo nguyên thủy” và “gốc rễ tinh thần của chủ nghĩa tư bản” được coi là đại diện cho nghiên cứu liên ngành xã hội học tôn giáo. Từ đó, tôn giáo được coi là một vấn đề xã hội học hiện đại. Nhằm đạt được sự thành công trong việc tiếp cận tôn giáo dưới khía cạnh xã hội học, phương pháp luận nghiên cứu xã hội học tôn giáo là rất quan trọng.

Chương 3 xem xét tôn giáo từ góc nhìn tâm lý học với trọng tâm khảo sát là 3 học giả: William James (1842-1910), Sigmund Freud (1858-1939) và Carl Gustav Jung (1875-1961) trong mối quan tâm về hai khuynh hướng lớn: kinh nghiệm tôn giáo cá thể; nghiên cứu tín ngưỡng tôn giáo và tâm lý văn hóa. Tâm lý học tôn giáo được phác họa từ kinh nghiệm, tình cảm tôn giáo cá nhân tới những hoạt động vô thức cá nhân (hay tâm lý học tầng sâu mà tín ngưỡng tôn giáo thuộc về) và vô thức tập thể với các đặc thù cá tính hóa, công năng tâm lý của tín ngưỡng tôn giáo.

Khi bàn về ngôn ngữ học tôn giáo ở chương 4, thông qua việc giới thiệu quan điểm của Alfred Jules Ayer và các nhà triết học khác (như: John Wisdom, Antony Flew, R. M. Hare, Basil Mitchell, John Hick), tác giả phân tích ngôn ngữ học tôn giáo trong con mắt của những nhà triết học. Đây là chủ đề đang gây ra sự tranh luận sôi nổi nhưng chưa có hồi kết. Câu hỏi quan trọng được đặt

ra lúc này là: Từ ngữ dùng trong tôn giáo mang ý nghĩa gì?

Văn hóa học tôn giáo là chương được trình bày dài nhất, thể hiện tính liên ngành cao nhất trong nghiên cứu tôn giáo. Thông qua việc tổng hợp, phân tích cách tư duy của 3 học giả: Christopher Dawson, Arnold Joseph Toynbee và Ernst Cassirer, phần này hướng tới sự tiếp cận tôn giáo từ lịch sử văn hóa tôn giáo; mối quan hệ giữa tôn giáo truyền thống với xã hội văn minh; những hình thức ký hiệu văn hóa. Cũng như các phần khác, tác giả cũng đề cập tới phương pháp luận, tính liên ngành và những đặc thù chủ yếu của khuynh hướng nghiên cứu này.

Nếu như phần I đặt vấn đề theo chiều rộng với sự tổng hợp phân tích đa ngành thì phần II của cuốn sách đặt vấn đề trong phân tích chiều sâu qua một số vấn đề tiêu điểm. Phần II tập trung vào hai nội dung: *Thứ nhất*, bốn loại quan điểm chủ yếu về bản chất của tôn giáo và những tranh luận sôi nổi xung quanh nó, bao gồm: lý trí luận, tình cảm luận, ý chí luận và tối thượng luận. Các quan điểm này tập trung vào 3 phương diện cơ bản của hoạt động tinh thần là: lý trí, tình cảm và ý chí; *Thứ hai*, ba lập trường chủ yếu về đối thoại tôn giáo: bài tha luận, thôn tính luận và đa nguyên luận cùng những phê bình lẫn nhau giữa chúng. Bản chất của tôn giáo còn được nhận diện qua các xung đột, đối thoại của tôn giáo lớn trên thế giới để tìm câu trả lời về các căn cứ tồn tại của tôn giáo.

Với tựa đề “Tôn giáo và lý trí”, chương 6 trình bày hai khuynh hướng tương phản: vô thần luận và hữu thần luận với hai học giả

đại diện là Bertrand Russell (1872-1970) và Richard Swinburn (1934-?). Khuynh hướng này hoặc cố gắng chứng minh hoặc phủ định sự tồn tại của linh hồn, thần thánh hay ma quỷ. Trên cơ sở những phân tích, bình luận những quan điểm trên, các câu hỏi mang tính phê phán về sự hạn chế của phương pháp duy lý truyền thống cũng được đặt ra.

“Tôn giáo và tình cảm” là nội dung của chương 7 và đại diện cho hướng nghiên cứu này là Friedrich Schleiermacher (1768-1834) và Rudolf Otto (1869-1937). Khuynh hướng này được nảy sinh từ sự phê phán quan điểm lý trí luận trước. Theo đó, bản chất và ý nghĩa của tôn giáo không thể hiện ở hoạt động và thành quả của lý trí mà là ở một loại tình cảm đặc biệt độc đáo.

Chương 8 bàn về “Tôn giáo và ý chí”. Quan điểm ý chí luận nhấn mạnh ý nghĩa có tính quyết định của sự lựa chọn mang tính ý chí trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo. Quan điểm này, đại diện là “thuyết đánh cược” của Blaise Pascal và “mạo hiểm luận” của William James, đã muốn thay thế chứng minh hữu thần luận (như lý trí luận truyền thống đã làm) chuyển sang xuất phát từ góc độ ý chí để luận chứng tính tất yếu và hợp lý của lựa chọn tín ngưỡng tôn giáo.

“Tôn giáo và mối quan tâm tối thượng” là nội dung của chương 9. Mối quan tâm tối thượng được phân tích từ thuyết “nỗi lo âu tối thượng” của Paul Tillich đến lý luận hình thái siêu quan niệm của Ninian Smart, cuối cùng dừng lại ở việc nhận xét một số vấn đề như bối cảnh văn hóa, tôn chỉ học thuật, động thái lý luận...

Chương cuối của cuốn sách trình bày vấn đề đối thoại tôn giáo. Từ nhận thức về sự xung đột của các quan niệm tôn giáo, đối thoại tôn giáo được coi là vấn đề đáng chú ý nhất. Tác giả lược thuật một số quan điểm đối thoại tôn giáo chủ yếu gồm: bài tha luận (Exclusivism), thôn tính luận (Inclusivism) và đa nguyên luận (Pluralism), khảo sát lại những cuộc tranh luận kịch liệt giữa chúng, rồi đưa ra những gợi ý thú vị về đối thoại tôn giáo trong bối cảnh đương đại.

Tóm lại, “*Tôn giáo học là gì?*” là cuốn sách trình bày những tri thức cơ bản về tôn giáo và các cách tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu tôn giáo. Trong đó, tác giả đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của cái nhìn tổng thể, đa diện, đa góc độ tiếp cận mang tính liên ngành và đối sánh trong lĩnh vực này. Những trường phái, khuynh hướng lý thuyết được chọn lọc gồm những nét chính yếu nhất với các đại diện tiêu biểu. Các vấn đề về tôn giáo - vốn nhạy cảm, trừu tượng và khá phức tạp - được tác giả phân tích, bình luận, so sánh và làm cho chúng trở nên dễ hiểu hơn. Sẽ thành công hơn nữa nếu tác giả cập nhật đầy đủ hơn về những thay đổi hiện nay trong từng ngành nghiên cứu về tôn giáo. Mặc dù vậy, “*Tôn giáo học là gì?*” vẫn là một trong những ấn phẩm được chuyên ngữ quan trọng giúp các nhà khoa học và quản lý xã hội hiểu rõ hơn về tôn giáo và ý nghĩa của nó trong đời sống của con người.